TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 7 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Hoành

2. Ông Lưu Minh Sửu

- Th ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Th ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987, Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 36/2019/QĐDS-ST ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Trịnh Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau

do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 27/02/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Đến tháng 01/2016, chị N bỏ nhà đi không nói cho ai biết, từ ngày chị bỏ đi anh Q đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì. Tháng 3 năm 2019 anh Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố chị Nguyễn Thị N mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm chị Nguyễn Thị N trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về chị N. Ngày 24/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố chị Nguyễn Thị N mất tích. Đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị N, nên anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: anh Q xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Văn Anh K, sinh ngày 26/7/2011 và cháu Trịnh Thị Anh Th, sinh ngày 11/10/2012. Hiện nay cháu K đang ở với anh Q, còn cháu Th đang ở với ông bà ngoại. Sau khi ly hôn anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung vì chị N đã mất tích.

Về tài sản và công nợ: anh Q xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị N là người đã bị tuyên bố mất tích; Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không có tin tức gì về chị N và đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại bản tự khai ngày 20/03/2020 và ngày 22/04/2020 các cháu Trịnh Thị Anh Th và Trịnh Văn Anh K đều trình bày nguyện vọng xin được ở với bố (là anh Trịnh Văn Q).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Th ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là người đã bị tuyên bố mất tích, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: xử cho anh Trịnh Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị N; Về con chung: giao 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Văn Anh K và cháu Trịnh Thị Anh Th cho anh Trịnh Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản và công nợ: không xem xét; Về án phí: buộc anh Trịnh Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Trịnh Văn Q khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị N, có hộ khẩu Thờng trú tại: Thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị N đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích. Qúa trình giải quyết vụ án, không có tin tức xác thực về chị N; Căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Trịnh Văn Q và chị Nguyễn Thị N tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/02/2010, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình; nên từ tháng 01 năm 2016 chị N đã bỏ nhà đi biệt tích, anh Q có làm đơn đề nghị và tại Quyết định số 36/2019/QĐDS-ST ngày 24/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã tuyên bố chị Nguyễn Thị N là người mất tích; đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị N đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay anh Q có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với chị N. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn"*, nên chấp nhận yêu cầu của anh Q, xử cho anh Trịnh Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung: anh Trịnh Văn Q và chị Nguyễn Thị N có 02 (hai) con chung là Trịnh Văn Anh K, sinh ngày 26/7/2011 và Trịnh Thị Anh Th, sinh ngày 11/10/2012; hiện tại cháu K đang ở với anh Q, còn cháu Th đang ở với ông bà ngoại.

Xét nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung của anh Q thấy rằng: anh Q có đủ điều kiện để nuôi cả 02 con chung; các cháu K và Th cũng có lời khai thể hiện nguyện vọng xin được ở với anh Q; trong khi chị N là người mất tích, hiện không biết đang ở đâu, còn sống hay đã chết; vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của anh Q, giao cả 02 con chung cho anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng: anh Q không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con

chung, xét đây là sự tự nguyện của anh Q và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được ghi nhận.

[4] Về phần tài sản và công nợ: anh Q xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; trong khi chị N là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ. Do đó không xem xét.

[5] Về án phí: anh Trịnh Văn Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Vê quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thờng vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Trịnh Văn Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Anh Trịnh Văn Q và chị Nguyễn Thị N có 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Văn Anh K, sinh ngày 26/7/2011 và cháu Trịnh Thị Anh Th, sinh ngày 11/10/2012.

Giao cả 02 (hai) con chung là cháu Trịnh Văn Anh K và cháu Trịnh Thị Anh Th cho anh Trịnh Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nơ: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Trịnh Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Q đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0004816 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Anh Trịnh Văn Q đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Th, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến